

Số:170/TB-ĐGLS

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất ở đối với 87 lô đất thuộc điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống thuộc Mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/03/2026 (nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá).

1. Tên, địa chỉ của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn; Địa chỉ: 111A Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đơn vị được giao thực hiện tổ chức đấu giá: Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn chi nhánh Thanh Hóa. Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà VCCI – 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân xã Nông Cống. Địa chỉ: Số 590 Đường Bà Triệu, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá.

3. Thông tin tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất ở đối với 87 lô đất thuộc điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống (nay thuộc xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá), như sau:

3.1 Vị trí khu đất: Quyền sử dụng đất đối với 87 lô đất thuộc điểm dân cư nông thôn tại thôn Thanh Ban và Đồng Thọ, xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống, thuộc Mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 (nay là xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa).

3.2 Diện tích: Tổng diện tích đấu giá (87 lô): 15.694,09 m². Được chia thành 87 lô. Diện tích từng lô đất tại mục 3.5 thông báo này.

3.3 Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá tại thời điểm bán đấu giá: Đã hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật theo mặt bằng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.4. Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất:

a) Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn;

b) Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất;

c) Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

3.5. Ký hiệu tên lô đất, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ:

Tổng diện tích đưa ra đấu giá **15.694,09 m²** gồm 87 lô đất, tổng giá khởi điểm: **65.289.744.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), cụ thể như sau:

STT	Tên lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/01m ²)	Giá khởi điểm của lô đất (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng)
1	LK1.01	199,73	4.800.000	958.704.000	479.352.000	100.000
2	LK1.02	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
3	LK1.03	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
4	LK1.04	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
5	LK1.05	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
6	LK1.06	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
7	LK1.07	176	4.400.000	774.400.000	387.200.000	100.000
8	LK1.08	176	4.400.000	774.400.000	387.200.000	100.000
9	LK1.09	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
10	LK1.10	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
11	LK1.11	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
12	LK1.12	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
13	LK1.13	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
14	LK1.14	171,5	4.800.000	823.200.000	411.600.000	100.000
15	LK1.15	155,5	4.800.000	746.400.000	373.200.000	100.000
16	LK1.16	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
17	LK1.17	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
18	LK1.18	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
19	LK1.19	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
20	LK1.20	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
21	LK1.21	160	4.400.000	704.000.000	352.000.000	100.000
22	LK1.22	160	4.400.000	704.000.000	352.000.000	100.000
23	LK1.23	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
24	LK1.24	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000

25	LK1.25	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
26	LK1.26	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
27	LK1.27	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
28	LK1.28	170,35	4.800.000	817.680.000	408.840.000	100.000
29	LK2.01	171,5	4.800.000	823.200.000	411.600.000	100.000
30	LK2.02	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
31	LK2.03	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
32	LK2.04	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
33	LK2.05	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
34	LK2.06	176	4.400.000	774.400.000	387.200.000	100.000
35	LK2.07	176	4.400.000	774.400.000	387.200.000	100.000
36	LK2.08	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
37	LK2.09	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
38	LK2.10	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
39	LK2.11	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
40	LK2.12	171,5	4.800.000	823.200.000	411.600.000	100.000
41	LK2.13	155,5	4.800.000	746.400.000	373.200.000	100.000
42	LK2.14	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
43	LK2.15	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
44	LK2.16	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
45	LK2.17	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
46	LK2.18	160	4.400.000	704.000.000	352.000.000	100.000
47	LK2.19	160	4.400.000	704.000.000	352.000.000	100.000
48	LK2.20	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
49	LK2.21	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
50	LK2.22	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000

A.Đ
CÔ
UGI
MSC
CHI
THA
RÓN

51	LK2.23	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
52	LK2.24	155,5	4.800.000	746.400.000	373.200.000	100.000
53	LK3.02	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
54	LK3.03	154	4.000.000	616.000.000	308.000.000	100.000
55	LK3.04	176	4.000.000	704.000.000	352.000.000	100.000
56	LK3.05	176	4.000.000	704.000.000	352.000.000	100.000
57	LK3.06	176	4.400.000	774.400.000	387.200.000	100.000
58	LK3.07	176	4.400.000	774.400.000	387.200.000	100.000
59	LK3.08	176	4.000.000	704.000.000	352.000.000	100.000
60	LK3.09	176	4.400.000	774.400.000	387.200.000	100.000
61	LK3.10	160	4.400.000	704.000.000	352.000.000	100.000
62	LK3.11	160	4.000.000	640.000.000	320.000.000	100.000
63	LK3.12	160	4.400.000	704.000.000	352.000.000	100.000
64	LK3.13	160	4.400.000	704.000.000	352.000.000	100.000
65	LK3.14	160	4.000.000	640.000.000	320.000.000	100.000
66	LK3.15	160	4.000.000	640.000.000	320.000.000	100.000
67	LK3.16	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
68	LK3.17	140	4.000.000	560.000.000	280.000.000	100.000
69	BT12.01	340,74	4.800.000	1.635.552.000	817.776.000	200.000
70	BT12.02	328,68	4.000.000	1.314.720.000	657.360.000	200.000
71	BT12.03	281,17	4.000.000	1.124.680.000	562.340.000	200.000
72	BT12.04	287,78	4.000.000	1.151.120.000	575.560.000	200.000
73	BT12.05	294,39	4.000.000	1.177.560.000	588.780.000	200.000
74	BT12.06	301	4.000.000	1.204.000.000	602.000.000	200.000
75	BT12.07	307,6	4.000.000	1.230.400.000	615.200.000	200.000
76	BT12.08	314,21	4.000.000	1.256.840.000	628.420.000	200.000

77	BT12.09	273,91	4.800.000	1.314.768.000	657.384.000	200.000
78	BT12.10	232,01	4.000.000	928.040.000	464.020.000	100.000
79	BT12.11	231,96	4.000.000	927.840.000	463.920.000	100.000
80	BT12.12	228,24	4.000.000	912.960.000	456.480.000	100.000
81	BT12.13	224,75	4.000.000	899.000.000	449.500.000	100.000
82	BT12.14	221,26	4.000.000	885.040.000	442.520.000	100.000
83	BT12.15	217,76	4.000.000	871.040.000	435.520.000	100.000
84	BT12.16	256,7	4.000.000	1.026.800.000	513.400.000	200.000
85	BT12.17	251,67	4.000.000	1.006.680.000	503.340.000	200.000
86	BT12.18	246,64	4.000.000	986.560.000	493.280.000	100.000
87	BT12.19	262,54	4.000.000	1.050.160.000	525.080.000	200.000
Tổng 87 lô		15.694,09		65.289.744.000	32.644.872.000	

Lưu ý: Mức giá trên đã bao gồm chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật, không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định hiện hành.

4. Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

4.1. Đối tượng tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 119 của Luật Đất đai 2024, có đủ điều kiện tham gia theo quy định tại Khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024.

4.2. Cách thức tham gia đấu giá:

a) Người mua hồ sơ tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Công ty đấu giá Hợp danh Lam Sơn Sài Gòn chi nhánh Thanh Hóa (có thể ủy quyền theo quy định của pháp luật);

b) Mỗi người chỉ được tham gia đấu giá số lượng lô đất tương ứng với số lượng hồ sơ và tiền đặt trước mà người tham gia đấu giá đã nộp;

c) Đối với trường hợp người đăng ký không thể tham gia đấu giá được thì có thể ủy quyền, việc ủy quyền phải đảm bảo theo quy định của Pháp luật;

d) Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

đ) Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản quy định tại Nghị Quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ;

e) Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá (trong đó có thể hiện nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định và phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá, đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá không có nợ đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nộp ngân sách khác trên địa bàn tỉnh).

5. Nguyên tắc đấu giá: Đấu giá theo nguyên tắc công khai, khách quan, trung thực, bình đẳng. Lô đất đủ điều kiện tổ chức đấu giá khi có từ 02 người đăng ký.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: **Đấu giá theo hình thức bỏ phiếu trực tiếp 01 (một) vòng tại phiên đấu giá.**

6.2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên (theo tổng giá trị của lô đất).

6.3. Bước giá: Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu trong số những người có giá trả cao nhất có người tiếp tục trả giá thì đấu giá viên phát phiếu trả giá cho người đó; đấu giá viên công bố người đó là người trúng đấu giá nếu người đó có giá trả cao hơn. Nếu tất cả người có giá trả cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá. Bước giá để tổ chức đấu giá tiếp là 1% mức giá trả cao nhất của vòng đấu liền kề trước đó. Không hạn chế số vòng trả giá trong trường hợp này.

7. Thời gian tổ chức:

7.1 Thời gian xem tài sản: Từ **07 giờ 30** phút ngày **04/05/2026** đến **17 giờ 00** phút ngày **06/05/2026** (Trong giờ hành chính).

Người tham gia đấu giá tự tìm hiểu thực địa khu đất đấu giá và tham khảo hồ sơ, quy chế cuộc đấu giá, bản vẽ MBQH khu đất đấu giá được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Lam Sơn Sài Gòn; Công ty đấu giá Hợp danh Lam Sơn Sài Gòn chi nhánh Thanh Hóa; UBND xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

7.2 Thời gian, địa điểm mua hồ sơ, nộp hồ sơ tham gia đấu giá: (Trong giờ hành chính).

a) Tại Ủy ban nhân dân xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa:

Thời gian từ **07 giờ 30** phút ngày **28/4/2026** đến **17 giờ 00** phút ngày **12/5/2026**.
(Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ đến **17 giờ 00** phút ngày **12/5/2026**);

b) Tại trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn và Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn chi nhánh Thanh Hóa:

Thời gian từ **07 giờ 30 phút** ngày **28/4/2026** đến **17 giờ 00 phút** ngày **13/5/2026**.
(Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ đến **17 giờ 00 phút** ngày **13/5/2026**);

7.3. Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ **07 giờ 30 phút** ngày **28/4/2026** đến **17 giờ 00 phút** ngày **13/5/2026**.

Người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của tổ chức đấu giá theo thông tin sau:

✓ Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn chi nhánh Thanh Hóa.

✓ Số tài khoản: **3521201045105**

✓ Tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Nông Công Nam Thanh Hóa.

✓ Nội dung nộp (chuyển) tiền đặt trước:

+ [Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá]_ CCCD_ nộp tiền đặt trước (Số lượng lô đất) xã Nông Công.

+ Ví dụ: “Nguyễn Văn B 038112345678 nộp tiền đặt trước 03 lô đất xã Nông Công”



Lưu ý:

✓ Số tiền đặt trước hợp lệ căn cứ vào thời gian báo có trên tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn chi nhánh Thanh Hóa, không căn cứ vào thời gian chuyển tiền trên giấy nộp tiền của người tham gia đấu giá. Tiền đặt trước đến tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn chi nhánh Thanh Hóa sau 17 giờ 00 phút của ngày hết hạn nộp tiền đặt trước (ngày 13/05/2026) mặc nhiên được coi là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

✓ Người tham gia đấu giá không nộp đủ số tiền đặt trước của lô đất đấu giá, không đúng số tài khoản, không ghi rõ nội dung chuyển tiền theo hướng dẫn nộp tiền đặt trước đều được coi là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

✓ Trong bất kỳ trường hợp nào thì tiền đặt trước cũng không tính tiền lãi, phí chuyển tiền đặt trước và nhận lại tiền đặt trước do người tham gia đấu giá chịu.

✓ Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì nộp tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia đấu giá.

7.5. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

Vào hồi **08 giờ 00 phút ngày 17/05/2026 (Sáng chủ nhật)**.

Tại Hội trường Trung tâm chính trị xã Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

Mọi chi tiết liên hệ trong giờ hành chính tại:

+ Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn: 111A Tân Sơn Nhì, P. Tân Sơn Nhì, Tp.HCM.

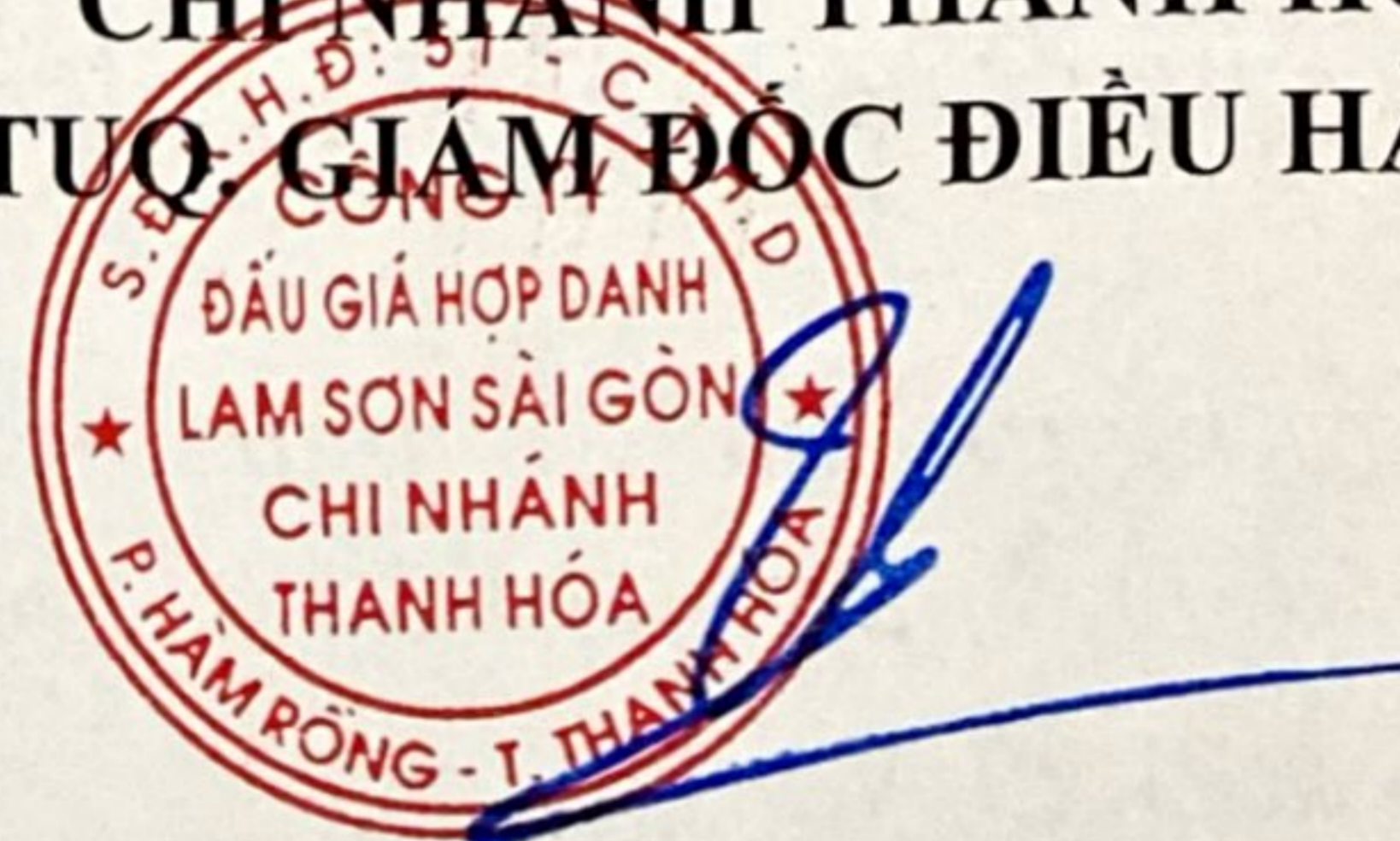
+ Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn – CN Thanh Hóa: Tầng 05 Toà nhà VCCI - số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Hàm Rồng, Thanh Hóa. ĐT: 0947.556.236.

Công ty đề nghị Văn Phòng UBND tỉnh Thanh Hóa cho đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- UBND xã Nông Công;
- Công TTĐT UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Công TTĐTQG –BTP;
- Báo và Đài PT, TH Thanh Hoá;
- Người tham gia đấu giá;
- Các điểm niêm yết;
- Lưu Vp Cty.

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH LAM SƠN SÀI GÒN
CHI NHÁNH THANH HÓA
TUỢ GIẢM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



HOÀNG VĂN THẮNG